

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên Giảng viên thỉnh giảng
Ngành: Sinh học Chuyên ngành: Sinh thái học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: PHẠM HỒNG TÍNH

2. Ngày tháng năm sinh: 17/07/1982; Nam ; Nữ Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã Nam Dương, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn hộ A2-714 - Chung cư Ecolife Capitol, Số 58 đường Tố Hữu, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Phạm Hồng Tính, Giảng viên Khoa Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, số 41A, đường Phú Diễn, P. Phú Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Điện thoại di động: 0983708199 E-mail: phtinh@hunre.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Quá trình công tác:

- Từ tháng 10 năm 2006 đến tháng 10 năm 2011: Học thạc sĩ và nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Ehime, Nhật Bản.
- Từ tháng 11 năm 2012 đến tháng 01 năm 2018: Học nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Từ tháng 01 năm 2013 đến tháng 3 năm 2018: Cán bộ Quản lý dự án, Trung tâm Điều tra, Đánh giá tài nguyên đất, Tổng cục Quản lý đất đai.
- Từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 6 năm 2023: Giảng viên, Khoa Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

- Từ tháng 6 năm 2023 đến tháng 9 năm 2023: Giảng viên chính, Khoa Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

- Từ tháng 10 năm 2023 đến nay: Phó trưởng bộ môn Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Khoa Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Số 41A, đường Phú Diễn, P. Phú Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 37645800/ Ext.502; Email: khoamt@hunre.edu.vn

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): không

8. Đã nghỉ hưu: chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 24 tháng 6 năm 2004; số văn bằng: B 0559642; ngành: Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 30 tháng 9 năm 2008; số văn bằng: A-33; ngành: Nông nghiệp; chuyên ngành: Quy hoạch tài nguyên rừng; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Etime, Nhật Bản.

- Được cấp bằng TS ngày 08 tháng 3 năm 2018; số văn bằng: 007668; ngành: Sinh học; chuyên ngành: Sinh thái học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: PHÓ GIÁO SƯ tại **HDGS cơ sở:** Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: PHÓ GIÁO SƯ tại **HDGS ngành, liên ngành:** Sinh học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu mối quan hệ tương tác giữa rừng ngập mặn với các điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội và môi trường.

- Nghiên cứu đánh giá hiện trạng, biến động rừng ngập mặn và các dịch vụ hệ sinh thái của rừng ngập mặn.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 11 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ;

- Đã hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên:

+ Chủ nhiệm 02 đề tài cấp cơ sở và 01 đề tài cấp Bộ;

+ Tham gia thành viên chính 02 đề tài cấp Bộ.

- Đã công bố 40 bài báo khoa học, trong đó 06 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (ISI và Scopus); 01 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế khác; 17 bài báo khoa học trên tạp chí quốc gia và 16 bài báo cáo tên các kỷ yếu Hội nghị/Hội thảo quốc tế và quốc gia.

- Số lượng sách đã xuất bản 04, trong đó chủ biên 01 giáo trình (01 Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ); tham gia biên soạn 01 sách chuyên khảo (Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ); tác giả chính 01 chương sách chuyên khảo Nxb Quốc tế uy tín (Nxb Springer); đồng tác 01 chương sách chuyên khảo Nxb Quốc tế uy tín (01 Nxb Taylor & Francis).

15. Khen thưởng: không

16. Kỷ luật: không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên được nhận bằng Cử nhân khoa học ngành Sinh-Kỹ thuật nông nghiệp năm 2004 tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Từ tháng 10/2006, ứng viên giành được học bổng do Chính phủ Nhật Bản cấp cho chương trình đào tạo thạc sĩ tại khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Ehime, Nhật Bản, đến tháng 09/2008, ứng viên nhận học vị thạc sĩ Nông nghiệp, chuyên ngành Quy hoạch Tài nguyên rừng. Từ tháng 10/2008, ứng viên được chuyển tiếp lên nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Ehime. Tuy nhiên đến tháng 10/2011, do chương trình học bổng kết thúc, không có kinh phí để tiếp tục thực hiện đề tài luận án, ứng viên được trở về nước, tham gia nghiên cứu khoa học tại Trung tâm Nghiên cứu Hệ sinh thái rừng ngập mặn (MERC) - một đơn vị trực thuộc HNUE. Năm 2012, ứng viên tiếp tục làm nghiên cứu sinh tại Khoa Sinh học, HNUE, bảo vệ thành công luận án và được công nhận học vị tiến sĩ vào tháng 01/2018.

Ứng viên đã làm công tác giảng dạy tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội từ tháng 4 năm 2018 đến nay. Trong hơn 6 năm công tác, ứng viên đã trực tiếp giảng dạy chương trình đại học và sau đại học; biên soạn sách, chương sách và giáo trình phục vụ đào tạo; rà soát, cập nhật chương trình đào tạo đại học và sau đại học; hướng dẫn sinh viên, học viên cao học thực hiện và bảo vệ thành công khoá luận và luận văn tốt nghiệp. Ứng viên cũng tích cực nghiên cứu khoa học và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt kết quả tốt. Ứng viên tự nhận thấy bản thân luôn tâm huyết và gắn bó với nghề; gương mẫu trong công việc, giữ gìn phẩm chất, uy tín và danh dự của nhà giáo; luôn tích cực học tập, tự rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ giảng dạy, đồng thời thu hút và truyền cảm hứng học tập, nghiên cứu khoa học cho sinh viên và học viên.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 6 năm 03 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2018-2019	0	0	0	4	255	30	285/468,6/270
2	2019-2020	0	0	1	4	285	15	300/482,1/270
3	2020-2021	0	0	2	4	255	15	270/412,2/270
03 năm học cuối								
4	2021-2022	0	0	3	2	270	15	285/420,7/270
5	2022-2023	0	0	3	2	315	15	330/490,8/271,9
6	2023-2024	0	0	2	0	270	45	315/418,1/272,1

(*) - Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu. Cụ thể:

+ Từ ngày 09/9/2020 số giờ định mức của giảng viên: 270; giảng viên chính 285 và giảng viên cao cấp 300 (theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, ban hành tại Quyết định số 3361/QĐ-TĐHHN ngày 09/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội).

+ Từ ngày 11/5/2021 số giờ định mức của giảng viên: 270; giảng viên chính 285 và giảng viên cao cấp 300 (theo Quyết định số 1973/QĐ-TĐHHN ngày 11/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, về việc Quy định về chế độ làm việc của giảng viên tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và Quyết định số 92/QĐ-HĐTĐHHN ngày 30/3/2021 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ).

+ Năm 2023 số giờ định mức của giảng viên: 270; giảng viên chính 285 và giảng viên cao cấp 300 (theo Quyết định số 3510/QĐ-TĐHHN ngày 15/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, về việc ban hành “Quy định về chế độ làm việc năm 2023 của giảng viên Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội”).

+ Năm 2024 số giờ định mức của tất cả giảng viên: 330 (theo Quyết định số 5398/QĐ-TĐHHN ngày 25/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, về việc ban hành Quy định về chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội).

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận văn: ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: Nhật Bản, năm 2018

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

- Các chứng nhận đào tạo ngắn hạn ở Thái Lan, Australia.

- Viết bài báo quốc tế và tham dự hội thảo quốc tế bằng tiếng Anh

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): không

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Trần Ngọc Yến		x	x		2019-2020	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Ngày cấp bằng: 23/7/2020 QĐ số 2609/QĐ-TĐHHN ngày 20/7/2020
2	Đặng Quốc Cường		x		x	2019-2021	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Ngày cấp bằng: 15/01/2021 QĐ số 105/QĐ-TĐHHN ngày 12/01/2021
3	Nguyễn Viết Cương		x	x		2020-2021	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Ngày cấp bằng: 15/01/2021 QĐ số 105/QĐ-TĐHHN ngày 12/01/2021
4	Tạ Ngọc Linh		x	x		2020-2022	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Ngày cấp bằng: 15/4/2022 QĐ số 1057/QĐ-TĐHHN ngày 30/3/2022

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
5	Nguyễn Văn Linh		x	x		2021-2022	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Ngày cấp bằng: 31/5/2022 QĐ số 1855/QĐ- TĐHHN ngày 23/5/2022
6	Nguyễn Ngọc Trang		x	x		2021-2022	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Ngày cấp bằng: 31/5/2022 QĐ số 1855/QĐ- TĐHHN ngày 23/5/2022
7	Trần Vũ Bảo Ngọc		x	x		2021-2022	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Ngày cấp bằng: 17/11/2022 QĐ số 4297/QĐ- TĐHHN ngày 15/11/2022
8	Hoàng Thị Hà		x	x		01-11/2022	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Ngày cấp bằng: 30/11/2022 QĐ số 4297/QĐ- TĐHHN ngày 15/11/2022
9	Lê Chí Thành		x	x		01-12/2022	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Ngày cấp bằng: 09/01/2023 QĐ số 5192/QĐ- TĐHHN ngày 27/12/2022
10	Phạm Quang Hiệp		x	x		2022-2023	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Ngày cấp bằng: 05/7/2023 QĐ số 2517/QĐ- TĐHHN ngày 05/7/2023
11	Phan Thị Thơ		x	x		2022-2023	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Ngày cấp bằng: 05/7/2023 QĐ số 2517/QĐ- TĐHHN ngày 05/7/2023

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Định lượng cacbon trong rừng ngập mặn trồng vùng ven biển miền Bắc Việt Nam	CK	Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2017	2		17-77	QĐ số 3546/QĐ-TĐHHN, ngày 10/10/2017
II Sau khi được công nhận PGS/TS							
2	Quản lý các vùng sinh thái đặc thù	GT	Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2019	3	x	3-158	QĐ số 2689/QĐ-TĐHHN, ngày 06/8/2019
3	Chapter 7: Community-Based Management of Mangrove Forests in Southeast Asia (in book “Societal Dimensions of Environmental Science”)	CK	Taylor & Francis, 2019	4		158-165	
4	Chapter 19: Ecological Valuation and Ecosystem Services of Mangroves (in book “Mangroves: Ecology, Biodiversity and Management”)	CK	Springer, 2021	3	x	439-454	

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I Trước khi được công nhận TS					
1	Nghiên cứu định lượng cacbon tích lũy để đánh giá khả năng tạo bể chứa cacbon của rừng ngập mặn ở vùng ven biển đồng bằng Bắc Bộ	Thành viên chính	Mã số: TNMT.04.57 Bộ Tài nguyên và Môi trường	2014-2016	Nghiệm thu ngày 24/12/2016 Xếp loại: Xuất sắc

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
II Sau khi được công nhận TS					
2	Nghiên cứu đặc điểm lý hóa học của đất và đặc điểm phân bố rừng ngập mặn trũng tại xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Chủ nhiệm	Mã số: 13.01.19.K.03 Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	2019	Nghiệm thu ngày: 15/11/2019 Xếp loại: Xuất sắc
3	Nghiên cứu mối quan hệ giữa rác thải nhựa với rừng ngập mặn ven biển xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Chủ nhiệm	Mã số: 13.01.20.K.03 Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	2020	Nghiệm thu ngày: 17/11/2020 Xếp loại: Xuất sắc
4	Nghiên cứu xây dựng mô hình dự báo xu hướng thay đổi hệ sinh thái rừng ngập mặn trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở các tỉnh ven biển Bắc Bộ	Thành viên chính	Mã số: TNMT.2018.05.06 Bộ Tài nguyên và Môi trường	2018-2021	Nghiệm thu ngày: 30/12/2021 Xếp loại: Khá
5	Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn ứng dụng các phương pháp tính giá trị một số tài nguyên thiên nhiên và kỹ thuật bảo tồn, phục hồi trong quản lý đa dạng sinh học	Chủ nhiệm	Mã số: TNMT.2022.01.25 Bộ Tài nguyên và Môi trường	2022-2023	Nghiệm thu ngày: 12/7/2023 Xếp loại: Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố:

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo /báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
<i>Bài báo xuất bản trên tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus</i>								
1.	Dendroclimatic potential of Fokienia trees in the Indochina Peninsula	3		Journal of Japanese Forest Society (ISSN: 1349-8509)	Scopus (Q4)	3	89(2): 144-148	4/2007

TT	Tên bài báo /báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Tháng, năm công bố
Bài báo xuất bản trên tạp chí quốc tế khác								
2.	Community participation approach for mangrove conservation in Vietnam	2		Journal of Forest Management (ISSN: 1906-022X)		1	6(11): 13-22	6/2012
Bài báo xuất bản trên hội nghị quốc tế								
3.	Effect of species on accuracy of timber stock estimation by Airborne Laser Profiling	3	x	Proceeding of 32nd Asian Conference on Remote Sensing (ISBN: 978-1-61839-497-2)	Scopus		467-472	10/2011
Bài báo xuất bản trên tạp chí quốc gia								
4.	Allometric relationship and biomass partition of <i>Kandelia obovata</i> Liu & Yong planted in Nam Dinh Province	2	x	HNUE Journal of Sciences: Chemical and Biological Science (ISSN: 0868-3719)			58(9): 91-103	12/2013
5.	Mối quan hệ giữa cấu trúc thảm thực vật rừng ngập mặn với nhiệt độ và lượng mưa tại vùng ven biển miền Bắc Việt Nam	2	x	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ (ISSN: 0866-8612)			31(4S): 429-436	2015
6.	Nghiên cứu mô hình thực nghiệm dự báo biến đổi cấu trúc thảm thực vật rừng ngập mặn tại vùng ven biển miền Bắc Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu và nước biển dâng	4	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (ISSN: 1859-4581)			11/2016: 133-138	11/2016
7.	Phân tích định lượng các chỉ số đa dạng sinh học và phân bố của thảm thực vật thân gỗ rừng ngập mặn tại ven biển miền Bắc Việt Nam	2	x	Tạp chí Sinh học (ISSN: 0866-7160)			38(1): 53-60	3/2016

TT	Tên bài báo /báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Bài báo xuất bản trên hội nghị quốc gia								
8.	Đánh giá tính dễ bị tổn thương đối với biến đổi khí hậu cho hệ sinh thái rừng ngập mặn: lựa chọn phương pháp thực hiện và kết quả áp dụng bước đầu	3	x	Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh học biển và phát triển bền vững lần thứ hai (ISBN: 978-604-913-259-9)			305-313	2014
9.	Tính dễ bị tổn thương đối với biến đổi khí hậu của rừng ngập mặn ven biển miền Bắc Việt Nam	4	x	Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 6 (ISBN: 978-604-913-408-1)			1724-1728	10/2015
10.	Mối quan hệ giữa đa dạng thành phần loài thực vật ngập mặn thực thụ thân gỗ với nhiệt độ, lượng mưa và tần suất ngập triều tại vùng ven biển miền Bắc, Việt Nam	3	x	Hội nghị Khoa học Toàn quốc về nghiên cứu và giảng dạy Sinh học ở Việt Nam lần thứ II, (ISBN: 978-604-62-5440-9)			810-817	5/2016
11.	Nghiên cứu định lượng cacbon tích lũy trong đất và sự phát thải CO ₂ từ đất rừng ngập mặn trồng tại xã Nam Phú, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	3		Hội nghị Khoa học Toàn quốc về nghiên cứu và giảng dạy Sinh học ở Việt Nam lần thứ II, (ISBN: 978-604-62-5440-9)			304-312	5/2016
II Sau khi được công nhận TS								
Bài báo xuất bản trên tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus								
12.	A comparison of soil carbon stocks of intact and restored mangrove forests in Northern Vietnam	7	x	Forests (eISSN: 1999-4907)	SCIE, Scopus (Q1, IF: 2.9)	14	11(6): 660	11/2020

TT	Tên bài báo /báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
13.	Macroecological patterns of forest structure and allometric scaling in mangrove forests	22		Global Ecology and Biogeography (ISSN:1466-822X; eISSN:1466-8238)	SCIE, Scopus (Q1, IF: 6,4)	51	30(5):1000-1013	5/2021
14.	Distribution and drivers of Vietnam mangrove deforestation from 1995 to 2019	8	x	Mitigation and Adaptation Strategies for Global Change (ISSN: 1381-2386; eISSN 1573-1596)	SCIE, Scopus (Q1, IF: 4,0)	12	27:29	6/2022
15.	Mangrove restoration in Vietnamese Mekong Delta during 2015-2020: achievements and challenges	10	x	Frontiers in Marine Sciences (eISSN: 2296-7745)	SCIE, Scopus (Q1, IF: 3,7)	9	9:1043943	12/2022
16.	Mangrove health assessment using spatial metrics and multi-temporal remote sensing data	8	x(2)	PLoS ONE (eISSN: 1932-6203)	SCIE, Scopus (Q1, IF: 3,7)	8	17(12): e0275928	12/2022
<i>Bài báo xuất bản trên hội nghị quốc tế</i>								
17.	A study on the changes and solutions for effective management of mangrove forest along the coast of Tien Lang district, Hai Phong city	4		International Workshop: Natural Resources and Risk Management in context of Climate Change (ISBN: 978-604-913-968-0)			44-54	01/2020
18.	Initially determining the relationship between diversity of lichens and SO ₂ emission in the air in Bac Ninh province	7		International conference: Towards Net Zero Emissions:			422-433	10/2022

TT	Tên bài báo /báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				Policy and Practice (ISBN: 978- 604-357-082-3)				
19.	Mangrove biomass estimation using vegetation indices of Sentinel-2 satellite imagery for Tien Lang district, Hai Phong city	7	x	International conference: Towards Net Zero Emissions: Policy and Practice (ISBN: 978- 604-357-082-3)			97-113	10/2022
20.	Mangrove degradation assessment using WorldView-2 imagery for Mekong Delta, Vietnam	7	x	International conference on GIS-IDEAS 2023 (ISBN: 978-604-357- 207-0)			285-292	11/2023
	<i>Bài báo xuất bản trên tạp chí quốc gia</i>							
21.	Đặc điểm tái sinh lỗ trông của rừng ngập mặn ở Đồng Rui, Tiên Yên, Quảng Ninh	4		Tạp chí Sinh học (ISSN: 0866-7160)			40(2): 129-137	6/2018
22.	Nghiên cứu định lượng cacbon trong rừng ngập mặn ven biển xã Hải Lạng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh	6		Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường (ISSN: 2615-9279)			34(3): 140-149	2018
23.	Nghiên cứu ảnh hưởng của các hoạt động sinh kế đến rừng ngập mặn ven biển huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	6		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (ISSN: 1859- 4581)			10/2018: 139-148	5/2018
24.	Nghiên cứu lượng cacbon tích lũy của rừng ngập mặn tại Vườn quốc gia Xuân Thủy, Nam Định	5		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (ISSN: 1859- 4581)			3+4/2019: 239-247	2/2019

TT	Tên bài báo /báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
25.	Một số đặc điểm lý, hóa học của đất rừng ngập mặn tại khu vực bãi bồi cửa Ba Lạt, tỉnh Nam Định và Thái Bình	5	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (ISSN: 1859-4581)			5/2019: 116-122	3/2019
26.	Một số đặc điểm lý, hóa học của đất rừng ngập mặn trồng tại khu vực bãi bồi cửa sông Lèn, tỉnh Thanh Hóa	2	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (ISSN: 1859-4581)			22/2019: 119-124	11/2019
27.	Nghiên cứu khả năng tích lũy cacbon trong rừng ngập mặn tại huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	3	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (ISSN: 1859-4581)			3+4/2020: 176-185	2/2020
28.	A study on the effects of sea level rise on mangrove ecosystem in Giao Thủy district, Nam Dinh province	3		Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering (ISSN: 2525-2461; eISSN: 2615-9973)			62(3): 90-96	9/2020
29.	Hiện trạng phân bố rác thải nhựa trong rừng ngập mặn ven biển huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá	3	x	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn (ISSN: 1859-4581)			11/2020: 273-280	11/2020
30.	Nghiên cứu một số đặc điểm cấu trúc và tính chất thể nền của rừng ngập mặn ven biển huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng	4		Tạp chí Môi trường (ISSN: 2615-9597)			III/2021: 43-48	9/2021
31.	Thực trạng suy giảm diện tích hệ sinh thái rừng ngập mặn Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	5		Tạp chí Tài nguyên và Môi trường (ISSN: 1859-1477)			12(386): 38-39	6/2022
32.	Ước tính giá trị du lịch của di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long	4		Tạp chí Môi trường (ISSN: 2615-9597)			02/2023: 23-27	6/2023

TT	Tên bài báo /báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Tháng, năm công bố
33.	Thực trạng và đề xuất giải pháp chọn loài thực vật ngập mặn phù hợp nhằm phòng, chống sạt lở ven sông các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau và Kiên Giang	8		Tạp chí rừng và môi trường (ISSN: 1859- 1248)			118/2023: 56-62	2023
Bài báo xuất bản trên hội nghị quốc gia								
34.	Đặc điểm phân bố, cấu trúc thành phần loài và hệ số tương đồng của thảm thực vật ngập mặn thuộc một số vùng ven biển Việt Nam	3	x(2)	Hội nghị Khoa học Toàn quốc về nghiên cứu và giảng dạy Sinh học ở Việt Nam lần thứ III, (ISBN: 978- 604-913-695-5)			141-156	5/2018
35.	Nghiên cứu đánh giá chất lượng môi trường nước rừng ngập mặn khu vực cửa Ba Lạt, Cửa Lèn, Cửa Đại và Đất Mũi	5		Diễn đàn khoa học toàn quốc về sinh học biển và phát triển bền vững, (ISBN: 978- 604-913-874-4)			487-496	8/2019
36.	Đánh giá đặc điểm lý hóa của trầm tích tại rừng ngập mặn khu vực cửa Ba Lạt, Cửa Lèn, Cửa Đại và Đất Mũi	5		Diễn đàn khoa học toàn quốc về sinh học biển và phát triển bền vững, (ISBN: 978- 604-913-874-4)			497-502	8/2019
37.	Hiện trạng phân bố và tích lũy rác thải khó phân hủy trong hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng	4	x	Hội nghị Khoa học Toàn quốc về nghiên cứu và giảng dạy Sinh học ở Việt Nam lần thứ IV (ISBN: 978- 604-9955-23-5)			264-271	7/2020
38.	Nghiên cứu sự thay đổi thành phần loài thực vật ngập mặn tại ven biển miền Bắc Việt Nam	4		Hội thảo quốc gia: Nghiên cứu chuyên giao, ứng dụng khoa học công nghệ trong			431-440	12/2021

TT	Tên bài báo / báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	trong bối cảnh biến đổi khí hậu			sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững (ISBN: 978-604-9988-83-7)				
39.	Rừng ngập mặn và sinh kế cộng đồng ven biển đồng bằng Sông Cửu Long: nghiên cứu tại 4 xã thuộc các tỉnh Kiên Giang, Cà Mau, Bến Tre, Bạc Liêu	6		Hội thảo khoa học quốc gia: Phát triển và quản lý bền vững tài nguyên và môi trường: từ miền núi đến đồng bằng (ISBN: 978-604-357-173-8)			311-319	10/2023
40.	Cơ sở khoa học trong nghiên cứu sử dụng địa y chỉ thị sinh học môi trường không khí ở một số tỉnh, thành phố miền Bắc, Việt Nam	5		Hội thảo khoa học quốc gia phát triển và quản lý bền vững tài nguyên và môi trường: từ miền núi đến đồng bằng (ISBN: 978-604-357-173-8)			320-329	10/2023

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý tài nguyên và môi trường	Tham gia	QĐ số 1648/QĐ-TĐHHN, ngày 11/5/2018	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	QĐ số 2287/QĐ-TĐHHN, ngày 01/7/2019	Cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo
2	Chương trình đào tạo đại học	Tham gia	QĐ số 1864/QĐ-TĐHHN, ngày 13/6/2019	Trường ĐH Tài nguyên và	QĐ số 1408/QĐ-TĐHHN,	Xây dựng chương

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý tài nguyên và môi trường	Tham gia	QĐ số 1648/QĐ-TĐHHN, ngày 11/5/2018	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	QĐ số 2287/QĐ-TĐHHN, ngày 01/7/2019	Cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo
	ngành Sinh học ứng dụng			Môi trường Hà Nội	ngày 27/4/2020	trình đào tạo
3	Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý tài nguyên và môi trường	Tham gia	QĐ số 3479/QĐ-TĐHHN, ngày 18/9/2020	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	QĐ số 2911/QĐ-TĐHHN, ngày 26/7/2021	Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo
4	Chương trình đào tạo đại học ngành Sinh học ứng dụng	Tham gia	QĐ số 865/QĐ-TĐHHN, ngày 14/3/2022	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	QĐ số 3237/QĐ-TĐHHN, ngày 25/8/2022	Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế: không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



TS. Phạm Hồng Tính